TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1975; địa chỉ: thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn M sinh năm 1970; địa chỉ: thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị L đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2023, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/1993. Sau khi kết hôn chị và anh M cùng chung sống ở gia đình nhà chồng tại thôn D, xã H, huyện T. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên va chạm đánh chửi nhau dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn trở nên trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ năm 2023 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh M

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Hoàng Thị H1 sinh ngày 26/9/1994 và Hoàng Minh H2 sinh ngày 07/10/2001. Hiện cả hai con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Hoàng Văn M nhiều lần, tuy nhiên anh M không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành tống đạt trực tiếp và hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho M ở gia đình tại thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình, anh M đã biết được nội dung của những văn bản của Tòa án tuy nhiên từ chối không nhận văn bản, không ký xác nhận vào các văn bản của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2024, Ủy ban nhân dân xã H cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau: Anh Hoàng Văn M, sinh ngày 20/7/1970, có căn cước công dân số 034070007650 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/3/2022 và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 09/5/1975 có cố căn cước công dân là 034175008621 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/3/2022 đều là công dân có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh M và chị L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại xã T (nay là xã H) vào ngày 09/11/1993 (vào sổ đăng ký kết hôn số 24, quyển số 03). Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại xã H. Trong quá trình chung sống thi thoảng anh chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng đều đã được cả hai bên tự hoà giải, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M thi thoảng có uống rượu, chửi bới vợ con. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, có việc vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau, đại diện cơ sở thôn đã phải hoà giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Theo địa phương nắm được thông tin thì nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói, suy nghĩ với nhau, ngoài ra còn mâu thuẫn nào khác hay không thì địa phương không nắm được tuy nhiên hiện nay cả hai đã sống ly thân, chị L đã về nhà bố mẹ sinh sống, còn anh M đi làm thợ xây, vẫn sinh sống tại địa phương. Nay chị L xin ly hôn anh M, đề nghị Tòa án hòa giải để các đương sự đoàn tụ, trường hợp mâu thuẫn đã trầm trọng, các đương sự cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Qua theo dõi quản lý khai sinh tại địa phương thì anh M và chị L có hai người con chung là cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 26/9/1994 và cháu Hoàng Minh H2, sinh ngày 07/10/2001. Hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành và khoẻ mạnh, có khả năng lao động. Ngoài ra chị L và anh M không có con chung nào khác. Về tài sản chung và nợ chung giữa chị L và anh M địa phương không nắm được. Hiện không có tổ chức, cá nhân nào phản ánh với địa phương về việc vay nợ với chị L và anh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh M mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc chị L xin ly hôn anh; được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh không trình

bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố dụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn M; Về con chung: Hai con chung Hoàng Thị H1 sinh ngày 26/9/1994 và Hoàng Minh H2 sinh ngày 07/10/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh M đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24, quyển số 03 ngày 09/11/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L trình bày là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên va chạm dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn trở nên trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, từ đó đến nay anh chị không hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tại các văn bản gửi đến Tòa án và trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị L trình bày anh M không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn hôn nhân, anh M không đến Tòa án làm việc để gây khó khăn cho chị và chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, chị kiên quyết xin được ly hôn anh M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh M, anh M đã biết được việc chị L xin ly hôn anh nhưng anh không đưa ra quan điểm, nguyện vọng giải quyết hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị L, từ chối nhận các văn bản của Tòa án, không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc anh M không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị L và anh M cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau và ly thân từ năm 2023. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh M đã ở mức

trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị L cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị L được ly hôn anh M là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Hoàng Thị H1 sinh ngày 26/9/1994 và Hoàng Minh H2 sinh ngày 07/10/2001. Cháu Hoàng Thị H1 và Hoàng Minh H2 hiện nay khỏe mạnh và đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn M.

2. Về con chung: Chị L và anh M có hai con chung là Hoàng Thị H1 sinh ngày 26/9/1994 và Hoàng Minh H2 sinh ngày 07/10/2001. Hai con chung đều đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004055 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã H;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh